

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 531/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 02/TTr-SKHĐT ngày 13 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động thực hiện Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

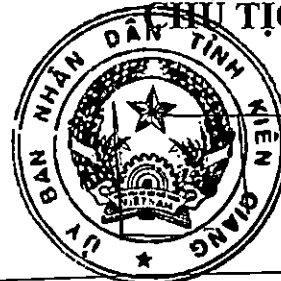
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP, P. KT, P.TH;
- Lưu: VT, tmchau (01b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lâm Minh Thành

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 309 /QĐ-UBND ngày 24 / 01/2022 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

Thực hiện Quyết định số 531/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

Triển khai thực hiện hiệu quả các giải pháp phát triển các ngành dịch vụ đã được phê duyệt tại Quyết định số 531/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ nhằm phát triển khu vực dịch vụ trở thành khu vực chủ chốt, chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế với chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh cao, phù hợp với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế, cụ thể như sau:

a) Tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ giai đoạn 2021 - 2030 cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế (giai đoạn 2021 - 2025 đạt khoảng 10%; giai đoạn 2026 - 2030 đạt trên 8%). Đến năm 2030, tỷ trọng của khu vực dịch vụ chiếm khoảng 50% GRDP.

b) Trong thời kỳ 2030 - 2050, khu vực dịch vụ tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế, chiếm tỷ trọng khoảng 60% GRDP.

2. Yêu cầu

a) Đảm bảo vai trò lãnh đạo của cấp ủy, sự quản lý, điều hành tập trung của Ủy ban nhân dân các cấp, sự phối hợp chặt chẽ hiệu quả giữa các ngành, tạo sức mạnh tổng hợp để thực hiện thành công nhiệm vụ phát triển khu vực dịch vụ.

b) Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp; phân công trách nhiệm cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các ngành, các cấp, các đơn vị gắn với kiểm tra, đánh giá theo định kỳ việc triển khai thực hiện.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Trên cơ sở các định hướng thực hiện chiến lược và định hướng phát triển các ngành dịch vụ đã được phê duyệt tại Quyết định số 531/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 của tỉnh Kiên Giang, cần thực hiện đồng bộ một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau đây:



1. Phát triển các ngành dịch vụ ưu tiên

a) Dịch vụ du lịch

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 16/8/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TU ngày 16/11/2017 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; triển khai các nhiệm vụ trọng tâm tại Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 09/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Mở rộng hành lang kết nối du lịch với các thị trường trong và ngoài nước để tăng hiệu quả kinh doanh du lịch. Xây dựng hệ thống sản phẩm du lịch phù hợp cho từng thị trường, có chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh nhằm thu hút khách du lịch và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin để phát triển du lịch, qua đó nâng cao giá trị gia tăng của ngành du lịch.

- Đẩy mạnh phát triển sản phẩm du lịch; phát triển hệ thống hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch; phát triển nguồn nhân lực du lịch; quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường và đặc biệt với tình hình biến đổi khí hậu tác động đến ngành du lịch trong giai đoạn sắp tới. Khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng tham gia phát triển du lịch. Chú trọng xây dựng các tuyến du lịch nội tỉnh, liên tỉnh gắn với các khu, điểm du lịch trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức điều tra, nghiên cứu thị trường, nhu cầu và thị hiếu của khách du lịch để xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu thị trường khách du lịch. Đẩy mạnh công tác xúc tiến, quảng bá du lịch; nâng cao chất lượng các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch trong nước và ngoài nước; đổi mới phương thức, công cụ, nội dung, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong xúc tiến, quảng bá du lịch, bảo đảm thực hiện thống nhất, chuyên nghiệp, hiệu quả; phát huy sức mạnh của truyền thông và tăng cường quảng bá trên mạng xã hội. Ngoài ra, tổ chức và phối hợp tham gia các hội nghị, hội thảo, hội chợ xúc tiến du lịch hoặc kết hợp du lịch tại nước ngoài và các địa phương trọng điểm trong nước (như: Hà Nội, các tỉnh phía Bắc, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh đồng bằng Nam Bộ, Miền Trung Tây Nguyên...) để giới thiệu sản phẩm, hình ảnh về du lịch và các chính sách khuyến khích phát triển du lịch của tỉnh.

- Khuyến khích tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để phát triển du lịch, ưu tiên phát triển du lịch thông minh, du lịch thực tế ảo và thực hiện số hóa ngành du lịch tỉnh. Đẩy nhanh việc chuyển đổi số trong ngành du lịch; quản lý khách du lịch, hoạt động du lịch, tài nguyên du lịch. Phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh; tăng cường ứng dụng công nghệ số để kết nối nhằm hỗ trợ và tăng trải nghiệm cho khách du lịch. Hoàn thiện hệ thống thống kê du lịch; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành du lịch, kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

b) Dịch vụ logistics và vận tải

- Phát triển đa dạng các loại hình doanh nghiệp cung ứng dịch vụ logistics cả về hình thức, quy mô, phương thức hoạt động. Hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp vận tải; khuyến khích các doanh nghiệp vận tải ứng dụng công nghệ thông tin trong logistics như: các nền tảng giao dịch dịch vụ vận tải hàng hóa, vận tải hành khách,... cũng như sử dụng sàn giao dịch vận tải vào hoạt động kinh doanh để giảm chi phí.

- Phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng logistics kết hợp đồng bộ hạ tầng cảng biển, các phương thức vận tải, hạ tầng thương mại. Hoàn thiện hạ tầng giao thông vận tải; phát triển đồng bộ các công trình, dự án trọng điểm, kết hợp vận tải đa phương thức đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển.

- Xây dựng các chương trình, kế hoạch xúc tiến đầu tư công nghiệp hỗ trợ, dịch vụ cảng biển và logistics, năng lượng mới. Rà soát quy hoạch, phát triển tập trung để nâng cao hiệu quả hoạt động các khu, cụm công nghiệp. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế một cách hiệu quả, tận dụng cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết.

c) Dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông

- Hoàn thành xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh. Cải thiện, nâng cấp hệ thống Một cửa điện tử, Một cửa điện tử liên thông và Dịch vụ công trực tuyến mức độ cao theo hướng lấy người dùng làm trung tâm, tuân thủ các chuẩn kỹ thuật để kết nối với các hệ thống khác. Nâng cấp, triển khai mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến. Triển khai đồng thời các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước gắn với việc đổi mới phương thức điều hành của hệ thống hành chính, tạo sự công khai, minh bạch trong công tác quản lý Nhà nước; xây dựng Chính phủ điện tử, tiến tới Chính phủ số.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị doanh nghiệp, trong khai thác và xử lý bưu chính gửi tại các doanh nghiệp bưu chính, đặc biệt tại doanh nghiệp quản lý mạng bưu chính công cộng nhằm cung ứng dịch vụ chất lượng và hiệu quả cho người sử dụng dịch vụ. Phát triển và thương mại hóa viễn thông 5G; phát triển các ứng dụng và nội dung số trên nền công nghệ viễn thông 5G.

- Phát triển các dịch vụ về cơ sở dữ liệu số: cơ sở dữ liệu của các ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung cấp tỉnh; đồng bộ các hệ thống cơ sở dữ liệu của các ngành, địa phương, hình thành các cơ sở dữ liệu dùng chung và cơ sở dữ liệu mở cấp tỉnh. Triển khai số hóa hồ sơ, tài liệu, các quy trình nghiệp vụ và mọi giao dịch công vụ, phát triển các hệ thống kho dữ liệu số chuyên ngành phục vụ công tác quản lý Nhà nước và cung cấp dịch vụ số. Kết nối, liên thông đồng bộ với các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Tăng cường sử dụng chung cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông, tránh gây tổn kém nguồn lực phát triển của xã hội; phát triển hạ tầng số trên nền tảng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại và hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật an toàn, an ninh thông tin.

- Thực hiện tốt việc chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

+ Rà soát, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách và ban hành các hướng dẫn nhằm thúc đẩy phát triển chính quyền số, đô thị thông minh và kinh tế số.

+ Phát triển hệ thống dịch vụ chính quyền số phục vụ người dân, doanh nghiệp, trong đó ưu tiên hệ thống các dịch vụ thiết yếu như: dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, dịch vụ y tế, giáo dục...

+ Nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm dữ liệu tỉnh đáp ứng yêu cầu khai thác nền tảng ứng dụng, cơ sở dữ liệu mở cấp tỉnh. Nâng cấp, hoàn thiện các phần mềm dùng chung hiện có của tỉnh; đảm bảo an toàn, an ninh thông tin phục vụ tốt chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

+ Phát triển các dịch vụ về nền tảng số trong hoạt động sản xuất, giám sát và đánh giá quy trình sản xuất, tiêu chuẩn, chất lượng nông - lâm - thủy sản, hỗ trợ quảng bá xúc tiến thương mại, du lịch.

+ Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh bảo đảm giám sát chất lượng, kết quả hoạt động cung cấp hệ thống các dịch vụ đô thị thông minh, giúp điều phối hoạt động chỉ đạo điều hành, quản lý cung cấp dịch vụ và hỗ trợ ứng phó kịp thời mọi sự cố diễn ra trong cộng đồng như: thiên tai, dịch bệnh, bạo loạn và các tình huống về an ninh trật tự.

- Xây dựng và phát triển doanh nghiệp công nghệ số, phát triển kinh tế số:

+ Chuyên giao công nghệ số, kích thích sáng tạo, khuyến khích khởi nghiệp phát triển công nghệ số, cung cấp các sản phẩm và dịch vụ số; từng bước hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp số.

+ Hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, hợp tác xã và hộ gia đình nhanh chóng chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh.

+ Đẩy mạnh ứng dụng nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong thu phí, lệ phí và giao dịch thương mại trong cộng đồng; phát triển thương mại điện tử.

+ Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, đặc biệt là người dân vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và người dân tộc thiểu số tiếp cận, khai thác dịch vụ số.

- Dịch vụ về đô thị thông minh, bao gồm:

+ Nghiên cứu, triển khai mô hình và các dịch vụ đô thị thông minh về trật tự an toàn, giao thông, quản lý đô thị; quản lý năng lượng chiếu sáng; cung cấp các dịch vụ về giáo dục thông minh, y tế thông minh, thanh toán không dùng tiền mặt.



+ Thí điểm các mô hình đô thị thông minh tại các trung tâm đô thị như: thành phố Phú Quốc, Rạch Giá, Hà Tiên.

d) Dịch vụ tài chính - ngân hàng

- Triển khai thực hiện các giải pháp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về điều hành chính sách tiền tệ hướng đến mục tiêu cao nhất là kiểm soát lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền, góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả huy động và phân bổ nguồn vốn trong nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

- Quản lý hoạt động kinh doanh vàng, ngoại hối nhằm thực hiện mục tiêu điều hành tỷ giá, phát triển bền vững thị trường vàng; hạn chế tình trạng đô la hóa, vàng hóa; hỗ trợ điều hành chính sách tiền tệ và ổn định kinh tế vĩ mô.

- Tạo môi trường cho các tổ chức tín dụng phát triển, đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường nội địa, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ theo hướng đổi mới quy trình, thủ tục và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trong đó nhấn mạnh năng lực tiếp cận ứng dụng của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 trong định hướng đổi mới hoạt động của ngành ngân hàng. Tiếp tục chuyển đổi mạnh mẽ mô hình kinh doanh của các ngân hàng thương mại theo hướng từ mô hình kinh doanh truyền thống sang mô hình kinh doanh số, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng số nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ về thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn, triển khai các chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về các mô hình thanh toán tại nông thôn, vùng sâu, vùng xa gắn với triển khai Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia, phát triển thanh toán điện tử phục vụ thương mại điện tử theo hướng hoàn thiện, tăng cường kết nối giữa hạ tầng thanh toán điện tử của hệ thống ngân hàng với hạ tầng thanh toán của các đơn vị khác.

đ) Lĩnh vực bảo hiểm:

Hoàn thiện các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm; nâng cao tính an toàn hệ thống, hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp bảo hiểm; hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển và đa dạng hóa sản phẩm bảo hiểm; đa dạng và chuyên nghiệp hóa các kênh phân phối bảo hiểm; tăng cường hiệu quả quản lý của Nhà nước về kinh doanh bảo hiểm; đẩy mạnh hợp tác quốc tế và hội nhập trong lĩnh vực bảo hiểm.

2. Phát triển các ngành dịch vụ khác

a) Dịch vụ khoa học và công nghệ

- Nghiên cứu, thực hiện đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ; nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ.

- Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng cán bộ có trình độ cao trên một số lĩnh vực phù hợp với nhu cầu, điều kiện phát triển của tỉnh. Tập trung nghiên cứu, triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ về nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ. Tăng cường hợp tác với các trường đại học, các viện nghiên cứu trong và ngoài nước trong thu hút các chuyên gia, nhà khoa học đến công tác tại tỉnh.

- Phát triển hoạt động dịch vụ đánh giá sự phù hợp, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm về đo lường. Hoàn thiện hàng rào kỹ thuật trong thương mại phục vụ xuất nhập khẩu. Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế.

- Phát triển dịch vụ cung cấp, tổng hợp - phân tích thông tin, số liệu thống kê về khoa học và công nghệ bảo đảm chất lượng, đáp ứng nhu cầu lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, dự báo, hoạch định chiến lược, chính sách phát triển, sản xuất kinh doanh. Phát triển dịch vụ về tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2030 theo Quyết định số 3040/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang. Phát triển mạng lưới các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ; khuyến khích phát triển các dịch vụ liên quan đến sở hữu trí tuệ, bảo hộ tài sản sở hữu trí tuệ.

b) Dịch vụ phân phối

- Xây dựng các chính sách ưu đãi, phát triển hạ tầng thương mại theo hướng văn minh, hiện đại. Rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách phát triển thương mại nông thôn, xúc tiến thương mại phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Thực hiện hiệu quả Kế hoạch phát triển thương mại điện tử của tỉnh theo từng giai đoạn, tranh thủ nguồn hỗ trợ từ Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia.

- Hoàn thiện hạ tầng bán lẻ truyền thống, tiếp tục thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý, xã hội hóa đầu tư chợ trên địa bàn tỉnh. Thu hút đầu tư các loại hình thương mại hiện đại như: trung tâm thương mại, trung tâm hội chợ triển lãm, siêu thị, siêu thị mini,...

- Hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng thương mại điện tử trong các doanh nghiệp phân phối, logistics; thúc đẩy ứng dụng thương mại điện tử trong việc truy xuất nguồn hàng vào hệ thống hạ tầng thương mại như: siêu thị, chợ. Hỗ trợ doanh nghiệp trong tỉnh kết nối với các nền tảng thương mại điện tử quốc tế như: Amazon, Alibaba, Lazada,...



c) Dịch vụ y tế

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế theo hướng tinh gọn, hiệu quả, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận và được cung cấp dịch vụ y tế thuận lợi. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch phát triển xã hội hóa trong cung cấp dịch vụ y tế. Khuyến khích đầu tư phát triển các cơ sở hành nghề y dược ngoài công lập, đặc biệt là các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa, các phòng khám đa khoa tư nhân theo đúng quy định; tăng tỷ lệ giường bệnh của khu vực kinh tế tư nhân; tăng các dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm chuẩn do khu vực kinh tế tư nhân cung cấp.

- Tăng cường thực hiện có hiệu quả Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập tại các cơ sở y tế công lập. Thực hiện có hiệu quả phát triển mạng lưới bệnh viện vệ tinh; tăng cường đào tạo, luân phiên cán bộ y tế, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới, các tuyến có đủ năng lực thực hiện danh mục dịch vụ kỹ thuật theo phân tuyến, tiến tới bảo đảm chất lượng từng dịch vụ giữa các tuyến; phát triển y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại trong phòng bệnh, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, nâng cao sức khỏe.

- Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ y tế:

+ Thực hiện chăm sóc sức khỏe toàn dân, tổ chức cung cấp dịch vụ y tế công, bảo đảm các dịch vụ y tế cơ bản; phấn đấu trên 95% dân số được quản lý, theo dõi, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe.

+ Nâng cao năng lực phòng chống dịch bệnh và hiệu quả hoạt động y tế cơ sở, ứng phó kịp thời các vấn đề khẩn cấp, sự cố môi trường, bảo đảm an ninh y tế. Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin trong khám, chữa bệnh. Phát triển mạnh y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại.

- Đổi mới căn bản, toàn diện công tác đào tạo nhân lực y tế, đáp ứng yêu cầu cả về y đức và chuyên môn.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, phòng bệnh, chữa bệnh và nâng cao sức khỏe; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong y tế. Chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế.

d) Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh

- Tiếp tục thực hiện thoái vốn Nhà nước, cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp Nhà nước. Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển kinh tế tư nhân; xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích thành lập các doanh nghiệp tư nhân, tạo điều kiện để kinh tế tư nhân đầu tư, phát triển sản xuất; thực hiện quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản, quyền tiếp cận thông tin, các loại thị trường và các dịch vụ xã hội; xóa bỏ các rào cản, chính sách, các biện pháp hành chính gây bất bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực, nhất là vốn và đất đai.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân tham gia cung cấp dịch vụ công; thực hiện cơ chế hợp tác công - tư trong đầu tư, khai thác, sử dụng, kinh doanh các dự án, công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện hiệu quả chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, tôn vinh doanh nghiệp; hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động. Xây dựng doanh nghiệp đầu đàn, mũi nhọn theo từng lĩnh vực có đủ năng lực phát triển, đầu kéo cho các doanh nghiệp cùng phát triển.

- Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, chú trọng phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp, dịch vụ, thương mại. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các hộ kinh doanh mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả hoạt động, tự nguyện liên kết hình thành các hình thức tổ chức hợp tác xã hoặc chuyển đổi sang hoạt động kinh doanh theo mô hình doanh nghiệp.

- Đổi mới phương thức quản lý Nhà nước hành chính sang phục vụ doanh nghiệp. Hoàn thiện chính sách thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài có tính cạnh tranh cao, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí quan trọng để đánh giá. Xây dựng cơ chế khuyến khích để tăng liên kết giữa đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước đối với các lĩnh vực cần ưu tiên thu hút, các dự án có công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng trong và ngoài nước, đặc biệt là các dự án tạo ra chuỗi giá trị, giải quyết nhiều việc làm cho người lao động.

đ) Dịch vụ giáo dục và đào tạo

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông trên địa bàn toàn tỉnh theo hướng ổn định, có quy mô hợp lý, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông mới; đẩy mạnh thực hiện định hướng nghề nghiệp và phân luồng trong giáo dục phổ thông.

- Sắp xếp, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng mở, đảm bảo quy mô, cơ cấu, hợp lý về ngành, nghề, trình độ đào tạo, vùng miền, chuẩn hóa, hiện đại hóa, có phân tầng chất lượng; tăng cường tính tự chủ cho các đơn vị; nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp; quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị.

- Tăng cường công tác kiểm định, đánh giá chất lượng giáo dục; công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục, đào tạo và ứng dụng mô hình giáo dục, đào tạo mới trên nền tảng công nghệ thông tin như trên internet, trên thiết bị di động; khuyến khích các mô hình liên kết giữa doanh nghiệp và cơ sở giáo dục, đào tạo để đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực, nhất là trong các ngành có nhu cầu cao.

- Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, nâng cao hiệu quả đầu tư cho giáo dục. Huy động sự tham gia của toàn xã hội để đầu tư cơ sở vật chất và hỗ trợ các hoạt động của cơ sở giáo dục, đào tạo; khuyến khích các tổ chức, cá nhân mở trường, lớp ngoài công lập.

- Tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong quá trình dạy học và kiểm định chất lượng giáo dục. Triển khai nhân rộng các chương trình đào tạo chuẩn quốc tế được chuyển giao từ các nước: Đức, Úc,...

e) Nghệ thuật biểu diễn; quảng cáo; mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; du lịch văn hóa, thể thao

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 60/KH-UBND thực hiện Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, địa phương và toàn xã hội về vị trí, vai trò của các ngành công nghiệp văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp trong việc đầu tư cho văn hóa như là một phần chiến lược kinh doanh và thể hiện trách nhiệm với xã hội, cộng đồng. Huy động sự tham gia rộng rãi, có hiệu quả của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, nhằm thu hút sự quan tâm của xã hội, thu hút các nguồn lực trong tỉnh, ngoài tỉnh và ngoài nước đầu tư cho các ngành công nghiệp văn hóa tại địa phương.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế phối hợp có hiệu quả giữa các ngành, các cấp bảo đảm đồng bộ, tránh chồng chéo, trùng lặp nhằm thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Xây dựng, hoàn thiện và ban hành các cơ chế, chính sách phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trong thời kỳ mới nhằm cải thiện điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ văn hóa, nâng cao hiệu quả việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ và các quyền liên quan, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh trên thị trường; các chính sách ưu đãi về vốn, thuế, đất đai, khuyến khích sáng tạo đối với văn nghệ sỹ, các doanh nghiệp khởi nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch về phát triển nguồn nhân lực, thúc đẩy trao đổi kiến thức, nâng cao năng lực chuyên môn, đào tạo nguồn nhân lực chuyên nghiệp cho các ngành công nghiệp văn hóa: điện ảnh; nghệ thuật biểu diễn; mỹ thuật, triển lãm và nhiếp ảnh; quảng cáo; du lịch văn hóa. Tăng cường liên kết, hợp tác để các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, các trường dạy nghề tham gia vào phát triển nguồn nhân lực nói riêng cũng như phát triển các ngành công nghiệp văn hóa



nói chung. Đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, thực thi về quyền tác giả, quyền liên quan; thường xuyên tập huấn chuyên môn về bảo vệ bản quyền và thu phí bản quyền có hiệu quả. Có chế độ đãi ngộ phù hợp để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, được đào tạo cơ bản, có kinh nghiệm chuyên môn đến tỉnh làm việc.

- Nghiên cứu, ứng dụng, nhân rộng và chuyên giao thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại trong sáng tạo, sản xuất, phổ biến, lưu giữ các sản phẩm văn hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ văn hóa; thực hiện đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các ngành công nghiệp văn hóa.

- Xây dựng các chính sách ưu đãi, đẩy mạnh tuyên truyền, xúc tiến đầu tư phát triển các ngành công nghiệp văn hóa sẵn có lợi thế, tiềm năng như: nghệ thuật biểu diễn, quảng cáo, sản phẩm làng nghề truyền thống, du lịch văn hóa. Khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước tăng cường đầu tư vào các hoạt động sáng tạo văn hóa, sản xuất các sản phẩm và dịch vụ văn hóa; tạo môi trường pháp lý thuận lợi, hỗ trợ đầu tư phát triển nguồn nhân lực, quảng bá, phát triển thị trường văn hóa, tạo mối liên kết thị trường về ngành nghề, thương hiệu cho các ngành công nghiệp văn hóa. Tăng cường vai trò của các tổ chức hiệp hội ngành nghề trong việc đầu tư, hỗ trợ phát triển các hoạt động sáng tạo, sản xuất, phân phối, phổ biến và tiêu dùng các sản phẩm dịch vụ văn hóa.

- Từng bước hình thành cộng đồng người tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ văn hóa trong nước thông qua hoạt động quảng bá, nâng cao khả năng tiếp cận, sử dụng các sản phẩm, dịch vụ văn hóa của công chúng; phát huy vai trò tuyên truyền, giáo dục của các đơn vị, tổ chức văn hóa nhằm phát triển công chúng, người tiêu dùng về năng lực hiểu biết, cảm thụ các sản phẩm, dịch vụ văn hóa. Nâng cao năng lực sản xuất và sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tạo ra nhiều sản phẩm, dịch vụ văn hóa có chất lượng cao tham gia vào thị trường văn hóa trong nước và quốc tế: xây dựng thương hiệu doanh nghiệp, sản phẩm, dịch vụ văn hóa có chất lượng cao.

- Tổ chức các sự kiện văn hóa nghệ thuật quốc tế tại địa phương, có uy tín khu vực và thế giới, thu hút sự tham gia của các nghệ sĩ và các tổ chức văn hóa nghệ thuật có uy tín, được đông đảo công chúng quan tâm. Xây dựng và triển khai các chương trình quảng bá thương hiệu sản phẩm, dịch vụ văn hóa, thương hiệu doanh nghiệp văn hóa, các tài năng tiêu biểu về văn hóa của Kiên Giang tại các hội chợ quốc tế, liên hoan quốc tế, tuần văn hóa Việt Nam tại các nước; lồng ghép các chương trình quảng bá phát triển công nghiệp văn hóa gắn với các sự kiện ngoại giao. Đẩy mạnh sản xuất sản phẩm, dịch vụ văn hóa, mở rộng giao lưu, trao đổi văn hóa với một số nước trong khu vực và thế giới phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Đẩy mạnh xã hội hóa để phát triển dịch vụ thể dục thể thao, tạo cơ hội kinh doanh cho các doanh nghiệp, cá nhân; tạo thuận lợi cho người dân được hưởng lợi từ các dịch vụ này, góp phần đưa phong trào thể dục thể thao ngày càng phát triển.



III. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

- Nguồn lực kinh tế - xã hội để thực hiện: vốn ngân sách Nhà nước, vốn doanh nghiệp, tài trợ quốc tế và nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Đối với nguồn vốn ngân sách Nhà nước, thực hiện theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành.

- Ngoài ra, đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia thực hiện Chiến lược này theo quy định pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh về phát triển khu vực dịch vụ của tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố thu hút nguồn lực trong và ngoài nước đầu tư vào các ngành dịch vụ.

c) Lồng ghép thực hiện các mục tiêu của Chương trình hành động với các mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hàng năm của tỉnh.

d) Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá về việc thực hiện Chiến lược của các ngành, lĩnh vực, địa phương; kịp thời tham mưu, đề xuất UBND tỉnh các giải pháp để giải quyết đối với những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

đ) Tổng hợp tình hình thực hiện Chiến lược định kỳ hằng năm, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; tổ chức sơ kết tình hình thực hiện Chiến lược vào năm 2025 và tổng kết tình hình thực hiện Chiến lược vào năm 2030.

2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố

Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố theo chức năng nhiệm vụ, chủ động lồng ghép các nội dung triển khai thực hiện Chiến lược của Trung ương và Chương trình hành động của tỉnh vào các nhiệm vụ chuyên môn được giao.

Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện Chiến lược trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao. Định kỳ vào tháng 12 hàng năm, đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược và báo cáo kết quả thực hiện Chiến lược trong các ngành, lĩnh vực dịch vụ thuộc thẩm quyền quản lý, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Trên đây là Chương trình hành động thực hiện Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Yêu cầu Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan tập trung triển khai thực hiện./.

